

Bản án số: 159/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Vương

2. Ông Lê Bình Triệu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên (vắng mặt).

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Bà Lê Diễm M, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\*Trình bày của ông Nguyễn Văn G:*

Hôn nhân: Ông G và bà M tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và

có đăng ký kết hôn tại UBND xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/5/2014. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông và bà M đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên ông G yêu cầu được ly hôn với bà M.

Con chung: Ông G và bà M có 01 người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/9/2015 (giới tính nữ), hiện do bà M đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà M và ông G tự thỏa thuận với nhau việc nuôi con, không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

*\*Trình bày của bà Lê Diễm M:*

Hôn nhân: Ông G và bà M tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/5/2014. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà và ông G đã ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay nhưng bà M xét thấy còn tình cảm với ông G nên bà không thống nhất ly hôn với ông G.

Con chung: Bà M và ông G có 01 người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/9/2015 (giới tính nữ), hiện do bà M đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà M và ông G tự thỏa thuận với nhau việc nuôi con, không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét.

Tài sản chung: Bà M xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tại phiên tòa hôm nay để bà và ông G tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là bà Lê Diễm M. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; bà M có nơi cư trú tại ấp A, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình vắng mặt có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông G và bà M tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2014 tại ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/5/2014. Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án ông G cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, ông G không thể tiếp tục chung sống với bà M nên yêu cầu ly hôn với bà M. Tại phiên tòa, bà M không thống nhất ly hôn với ông G do còn tình cảm với nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà M đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, ông G xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa ông G và bà M không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông G và bà M có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà M vắng mặt tại phiên hòa giải. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của hai người để xây dựng cuộc sống chung nhưng ông G cương quyết ly hôn với bà M, điều này chứng vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông G và bà M được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông G và bà M có 01 người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/9/2015 (giới tính nữ), hiện do bà M đang nuôi dạy. Tại phiên tòa, ông G và bà M tự thỏa thuận việc nuôi dạy con chung, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét.

[5] Tài sản chung: Ông G và bà M tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét.

[6] Về nợ chung: Ông G xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 19/9/2019 của ủy ban nhân dân xã TLĐ và biên bản ghi lời khai của người làm chứng xác nhận ông G và bà M không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông G phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn G về việc ly hôn với bà Lê Diễm M.

2.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn G và bà Lê Diễm M được ly hôn.

2.2. Về con chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu xem xét.

2.3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 17 tháng 9 năm 2019 ông G có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010711 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TLĐ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lan Anh**

